TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Đức**.

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Trúc T**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh H**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: 54/8C, khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Trúc T trình bày:***

Chị T và anh H chung sống vợ chồng vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, gây sự đánh đập chị T nhiều lần và xúc phạm gia đình chị. Tháng 10/2016, chị T về sống chung với mẹ ruột cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H có năn nỉ hàn gắn nhưng do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã khi nói chuyện với nhau, do đó chị T

không đồng ý đoàn tụ. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn.

Anh chị sống chung có một con chung là Lê Quốc B, sinh ngày 12/9/2015 đang sống với chị T. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh H trình bày:***

Anh H thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến ngày 24/12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T cằn nhằn về việc anh uống rượu nên giữa anh chị xảy ra cãi vã, xô xát, anh H thừa nhận có đánh chị T. Anh chị sống ly thân từ ngày 24/12/2017 cho đến nay. Anh H thừa nhận hành động đánh vợ là sai trái nên hy vọng chị T bỏ qua và do còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Anh chị sống chung có một con chung đúng như chị T trình bày, nếu ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T nuôi con thì anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, cần giao cháu Lê Quốc B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị T và anh H chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh đập chị T nhiều lần. Chị T cho rằng vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2016, còn anh H thì cho rằng sống ly thân từ ngày 24/12/2017 đến nay. Mặc dù, anh chị không thống nhất về thời gian sống ly thân nhưng cùng xác nhận hiện tại cả hai không còn sống chung, thời gian ngắn nhất cũng đã hơn 09 tháng. Trong thời gian này, anh H có trực tiếp gặp chị T năn nỉ hàn gắn nhiều lần và cũng có nhờ cha mẹ anh khuyên bảo chị T trở về đoàn tụ nhưng do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị T luôn bị ám ảnh việc anh H đánh đập mình nên chị không đồng ý đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, anh vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy anh đã không còn quan tâm, tôn trọng hôn nhân của anh và chị T. Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hành vi bạo lực gia đình của anh H đã làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một người con là Lê Quốc B, sinh ngày 12/9/2015, chị T và anh H đều yêu cầu được nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của anh chị thấy rằng: Cháu B vẫn còn nhỏ và đang sống ổn định cùng với mẹ. Trong thời gian ly thân, chị T vẫn nuôi con phát triển tốt và đảm bảo nhu cầu ăn học, sinh hoạt của cháu. Anh H cho rằng anh có nhà ở ổn định với cha mẹ tại địa chỉ số 54/8C, khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tây Ninh, còn chị T phải thuê nhà trọ sinh sống nên không đảm bảo điều kiện nuôi con. Thấy rằng, tuy chị T đang thuê nhà trọ nhưng chị làm việc và sinh sống ổn định tại ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bình Dương, còn nhà ở tại địa chỉ số 54/8C, khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ anh H, anh H không sinh sống ổn định tại đây mà làm việc ở Bình Dương và cũng phải thuê nhà trọ sinh sống. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn môi trường sống của cháu B và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cần giao cháu B cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị T thấy rằng: Anh H không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên. Mặc dù, tại biên bản hòa giải anh H trình bày nếu chị T nuôi con thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con thành niên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không biết được ý kiến của anh H về cấp dưỡng có giữ nguyên hay thay đổi nên không thể ghi nhận sự tự nguyện của anh H. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H thống nhất trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Trúc T đối với anh Lê Minh H.

Chị Võ Thị Trúc T được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc B, sinh ngày 12/9/2015 cho chị Võ Thị Trúc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Lê Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc B hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/10/2018) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Lê Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Võ Thị Trúc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Minh H không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh H còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Trúc T và anh Lê Minh H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Trúc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012310 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

Anh Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu